

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày 29-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Trần Duy Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS, ngày 17/02/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần A.

Trụ sở: 922/43 Phạm Văn Đ, phường H, Tp. T, Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Hữu Ph – Chức vụ: Giám đốc. .

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Thanh H – có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã TT, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Phương D – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 1, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Ngô Văn T - vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 1, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2021 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần A (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng đại lý với đại lý DT do chị Phạm Thị Phương D đại diện ký hợp đồng về việc Công ty cung cấp các loại phân bón cho đại lý DT kinh doanh. Thực hiện hợp đồng Công ty đã giao cho đại lý DT số phân bón với tổng giá trị là 551.300.000 đồng; đại lý DT đã thanh toán được số tiền 368.760.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1,2%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày 26/11/2021 là 72.474.936 đồng. Dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị D là chủ đại lý trả hết số tiền còn nợ lại nhưng anh T, chị D không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, Công ty khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng (theo mỗi đơn hàng cụ thể) với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng là 1,2%/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đến ngày xét xử với mức lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng là 94.525.500 đồng, tổng cộng là 277.065.500 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Phạm Thị Phương D, anh Ngô Văn T tham gia tố tụng, tuy nhiên chị D, anh T vắng mặt tại các buổi làm việc; các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có quan điểm trình bày. Kết quả xác minh của Tòa án xác định chị D, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 1, xã DBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện không có mặt tại địa chỉ cư trú, chưa có chuyển khẩu khỏi địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, giấy triệu tập của Tòa án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối họ.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 24; Điều 34; Điều 35; Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A số tiền nợ gốc là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất theo thỏa thuận là 1,2%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử theo yêu cầu của nguyên đơn là 94.525.500 đồng. Buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải trả số tiền hàng là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh, tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại của Công ty cổ phần A và hộ kinh doanh TD có đăng ký kinh doanh, các bên đều có mục đích sinh lợi, do chị D, anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị Phương D, anh Ngô Văn T cư trú tại thôn 1, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị D, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 1, xã ĐBS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện không có mặt tại địa chỉ cư trú, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn được biết. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D, anh T theo quy định nhưng chị D, anh T vắng mặt không có lý do, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Như vậy, được coi là chị D, anh T cố tình giấu địa chỉ, từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị D, anh T tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự và yêu cầu của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Phương D là chủ hộ kinh doanh TD có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 63H8001707 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện TD cấp lần đầu ngày 14/10/2015, có ngành nghề kinh doanh vật tư nông nghiệp, hiện chưa bị rút giấy phép kinh doanh. Việc mua bán hàng hóa là phân bón giữa Công ty với chị D, anh T được thực hiện thông qua Hợp đồng đại lý số 01A04/2020/HĐĐL-A9 ngày 18/5/2020 giữa đại diện Công ty và chị Phạm Thị Phương D – Chủ hộ kinh doanh TD. Bên bán là Công ty cổ phần A đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, chị D và anh T đã nhiều lần nhận hàng (phân bón) từ Công ty để kinh doanh nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, tính đến ngày 17/5/2021 còn nợ lại công ty số tiền hàng là 182.540.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/5/2021 là 58.529.407 đồng, số tiền nợ mua hàng và tiền lãi được thể hiện thông qua biên bản xác nhận công nợ có anh Ngô Văn T ký nhận nợ. Ngoài ra, trước đó anh T, chị D đã nhiều lần ký các biên bản xác nhận công nợ với Công ty.

Như vậy, thông qua biên bản xác nhận công nợ cuối cùng lập ngày 17/5/2021, có chữ ký xác nhận nợ của anh Ngô Văn T và việc xác nhận nợ trước đó của anh T vào các ngày 26/4/2021, 05/4/2021, 03/3/2021, xác nhận nợ của chị Phạm Thị Phương D vào ngày 13/01/2021, 25/12/2020, 07/12/2020, 24/11/2020, 04/11/2020, 21/10/2020 và ngày 28/9/2020 có cơ sở khẳng định việc Công ty khởi kiện yêu cầu chị D, anh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì lãi suất trong trường hợp chị D, anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là 1,2%/tháng, xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các bên là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận. Trong các biên bản xác nhận công nợ mà chị D, anh T xác nhận đều có khoản nợ tiền hàng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 1,2%/tháng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty theo lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng tính đến ngày xét xử ngày 29/9/2022 là 94.525.500 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải trả cho Công ty cổ phần A số tiền mua hàng là 182.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 94.525.500 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chị Phạm Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về tiền tạm ứng án phí: Hoàn trả cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 24; Điều 34; Điều 35; Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A. Buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải trả cho Công ty cổ phần A số tiền 277.065.500 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc là 182.540.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 94.525.500 đồng (Chín mươi tư triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Phương D và anh Ngô Văn T phải chịu 13.853.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về tạm ứng án phí: Hoàn trả cho Công ty cổ phần A số tiền 6.375.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002167 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu

UNREGISTERED

Unregistered